

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH**

**Số: /2018/HĐHTKD/**

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của mỗi Bên,

Hôm nay, ngày 12 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Công ty VHRS, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

**1. BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN**

- Địa chỉ :
- MST :
- ĐT/FAX :
- Số tài khoản :
- Đại diện :
- Chức vụ : Giám đốc

Và:

**2. BÊN B: CÔNG TY**

- Địa chỉ :
- MSDN :
- ĐT/FAX :
- Số tài khoản :
- Đại diện :
- Chức vụ : Giám đốc

Trên cơ sở tự nguyện và thỏa thuận, Các Bên cùng nhau thống nhất ký kết Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với các điều kiện và điều khoản như sau:

**Điều 1. Định nghĩa và diễn giải**

Các từ và cụm từ sẽ có ý nghĩa như diễn giải sau đây và được áp dụng cho Hợp đồng này, trừ khi ngữ cảnh đòi hỏi diễn đạt với một ý nghĩa khác:

1. “Hợp đồng” là Hợp đồng Hợp tác kinh doanh này do Bên A và Bên B ký kết, các phụ lục và bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung bằng văn bản nào của Hợp đồng tại từng thời điểm;

2. “Doanh thu” là toàn bộ các khoản tiền các Bên thu được từ chương trình ... Doanh thu bao gồm: Tài trợ + tiền bán vé hội thảo.

3. “Bên” là Bên A hoặc Bên B tùy theo ngữ cảnh;

4. “Ngày” trừ khi được quy định khác trong hợp đồng, “ngày” được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch, bao gồm các ngày nghỉ và ngày Lễ;

5. “Ngày làm việc” là các ngày làm việc trong tuần trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và ngày Lễ, Tết;

6. “Luật” là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

7. “Tiếp cận” là việc cung cấp thông tin về chương trình đào tạo - do hai Bên hợp tác - đến cho khách hàng.

## **Điều 2. Nội dung hợp tác**

1. Các Bên thống nhất hợp tác trong **chương trình .... do Công ty ... tổ chức** tính từ thời điểm ký kết Hợp đồng này cho đến khi kết thúc chương trình.

2. Các Bên thống nhất việc hợp tác kinh doanh theo các thỏa thuận tại Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện và thiện chí.

## **Điều 3. Phân chia doanh thu, trách nhiệm chịu rủi ro và hạch toán**

### **1. Phân chia doanh thu:**

- Bên A được hưởng phần trăm doanh thu phát sinh thu được từ các khách hàng do Bên A bán vé tham dự Hội thảo của bên B qua bản đối soát dữ liệu. Doanh thu Bên A được hưởng theo tỷ lệ sau:

| TT       | Vé hội thảo                        | Tỷ lệ hoa hồng bên A được hưởng | Ghi chú |
|----------|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| <b>I</b> | <b>Vé hội thảo do Bên A tự bán</b> |                                 |         |
| 1        | Từ 01 – 50 vé                      | 22%                             |         |
| 2        | Từ 50 – 120 vé                     | 25%                             |         |
| 3        | Từ 120 trở lên                     | 28%                             |         |

Mức hoa hồng được hưởng căn cứ vào số vé mà bên B chốt bán được thông qua kênh khách hàng của bên A. Các chi phí liên quan đến quảng cáo,... bên A tự cân đối và trang trải.

Mức hoa hồng này là số tiền thực nhận trên giá bán vé cho khách hàng mà không bị khấu trừ bất kỳ 1 khoản chi phí, thuế nào khác.

### **2. Thời điểm chi trả hoa hồng:**

Hoa hồng thu được trước ngày diễn ra chương trình hội thảo

Bên B có trách nhiệm chuyển đủ cho Bên A phần trăm hoa hồng thu được từ các khách hàng do Bên A bán được trước ngày chương trình diễn ra 03 ngày theo Điều 3 Mục 1.

### **3. Hạch toán:**

Mỗi Bên tự hạch toán phần chi phí, thuế và doanh thu do Bên đó được hưởng liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này.

Việc xuất hóa đơn phân chia chi phí và hóa đơn doanh thu được thực hiện theo quy định của Luật kế toán hiện hành tại thời điểm ghi nhận chi phí hoặc ghi nhận doanh thu.

Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn trực tiếp cho khách hàng mua vé tham dự hội thảo.

### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

#### **1. Quyền của Bên A:**

a) Bên A có quyền yêu cầu Bên B thực hiện nghiêm chỉnh các công việc nêu tại Hợp đồng này.

b) Được sử dụng toàn bộ các thông tin, dữ liệu, hình ảnh, video... liên quan đến hội thảo hợp tác theo hợp đồng này để truyền thông, quảng bá về chương trình.

c) Được hợp tác với các đối tác khác để cùng bán vé cho chương trình hội thảo.

d) Được hưởng đúng và đủ phần doanh thu theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

e) Các quyền khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và theo pháp luật liên quan.

#### **2. Nghĩa vụ của Bên A:**

a) Thực hiện toàn bộ các công việc theo thỏa thuận hợp đồng

b) Cam kết bán vé theo chính sách giá của bên B

c) Bên A không được chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này cho Bên thứ ba nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên B.

d) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và theo pháp luật có liên quan.

### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

#### **1. Quyền của Bên B:**

a) Thực hiện toàn bộ các công việc theo thỏa thuận hợp đồng

b) Phối hợp cùng Bên A trong việc tổ chức các chương trình bán vé.

c) Bên B có quyền yêu cầu Bên A thực hiện nghiêm chỉnh các công việc nêu tại Hợp đồng này.

d) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng này và yêu cầu Bên A bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh khi Bên A vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

e) Các quyền khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và theo pháp luật liên quan.

#### **2. Nghĩa vụ của Bên B:**